

# Những điểm mới của luật BVMT 2020 về nông nghiệp

**Dương Trí Dũng**

**Khoa Môi trường và tài nguyên thiên nhiên**

# I. Giới thiệu

- Luật BVMT 2020 Số 17/2020/QH14 thông qua ngày 17/11/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 gồm 16 Chương và 171 điều

- Trong đó

  - Chương I:** Những quy định chung (Điều 1- Điều 6);

  - Chương II:** Bảo vệ các thành phần môi trường, di sản thiên nhiên (Điều 7 – Điều 21);

  - Chương III:** Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; Nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh (Điều 22 - Điều 24);

  - Chương IV:** Đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, **giấy phép môi trường** (Điều 25-Điều 49);

  - Chương V:** Bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Đô thị và nông thôn trong một số lĩnh vực (Điều 50- Điều 71);

# I. Giới thiệu

**Chương VI:** Quản lý chất thải và kiểm soát các chất ô nhiễm khác (Điều 72-Điều 89);

**Chương VII:** Ứng phó với Biến đổi khí hậu (Điều 90 - Điều 96);

**Chương VIII:** Quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường (Điều 97- Điều 105);

**Chương IX:** Quan trắc môi trường, thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường và báo cáo môi trường (Điều 106-Điều 120);

**Chương X:** Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và bồi thường thiệt hại về môi trường (Điều 121-Điều 135)

**Chương XI:** Công cụ kinh tế, chính sách và nguồn lực bảo vệ môi trường (Điều 136- Điều 154)

**Chương XII:** Hội nhập và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường (Điều 155-Điều 156)

# I. Giới thiệu

**Chương XIII:** Trách nhiệm của MTTQ Việt Nam, Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội tổ chức xã hội- nghề nghiệp, và cộng đồng dân cư trong bảo vệ môi trường (Điều 157-Điều 159)

**Chương XIV:** Kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, xử lý vi phạm, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường (Điều 160- Điều 163)

**Chương XV:** Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường (Điều 164- Điều 168)

**Chương XVI:** Điều khoản thi hành (Điều 169-Điều 171)

# I. Giới thiệu

- Các văn bản khác:

**Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT;**

**Nghị định 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng Ô-Dôn;**

**Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT;**

**Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT**

# II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

- **Chương II:** Bảo vệ các thành phần môi trường, di sản thiên nhiên

## **Điều 8. Hoạt động bảo vệ môi trường nước mặt**

Khoản 3. UBND cấp tỉnh có trách nhiệm

a) **Xác định các sông, hồ nội tỉnh** và nguồn nước mặt khác trên địa bàn có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế-xã hội, bảo vệ môi trường; **xác định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, lập hành lang bảo vệ nguồn nước mặt** trên địa bàn; xác định khu vực sinh thủy;

d) Tổ chức đánh giá chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, **đánh giá khả năng chịu tải**, hạn ngạch xả nước thải đối với nguồn nước mặt thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này; công bố thông tin về môi trường nước mặt trên địa bàn không còn khả năng chịu tải;

đ) Ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch **quản lý chất lượng môi trường nước mặt** thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này; tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với sông, hồ liên tỉnh trên địa bàn.

# II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

- **Chương II: Bảo vệ các thành phần môi trường, di sản thiên nhiên**

## **Điều 10. Bảo vệ môi trường nước dưới đất**

8. UBND cấp tỉnh có trách nhiệm bảo vệ môi trường nước dưới đất trên địa bàn.

## **Điều 14. Trách nhiệm thực hiện quản lý chất lượng môi trường không khí**

3. UBND cấp tỉnh có trách nhiệm: a) ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh

## **Điều 19. Trách nhiệm bảo vệ môi trường đất**

3. UBND cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Thực hiện điều tra, đánh giá, xác định và khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn và xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm;

b) Xử lý khu vực ô nhiễm đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật này;

c) Báo cáo Bộ TNMT về các khu vực có dấu hiệu ô nhiễm môi trường đất liên tỉnh, khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng

d) Cập nhật thông tin về khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường theo quy định

## II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

- **NGHI ĐỊNH 08/2022/NĐ-CP - BẢO VỆ CÁC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG**

**Điều 17. Xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường**

6. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các giải pháp, tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp để bảo vệ, cải tạo, phục hồi và nâng cao độ phì đất nông nghiệp.



# II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

## LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2020

### Điều 20. Di sản thiên nhiên

1. Di sản thiên nhiên bao gồm:

- a) Vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan được xác lập theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; danh lam thắng cảnh được công nhận là di sản văn hóa được xác lập theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá;
- b) Di sản thiên nhiên được tổ chức quốc tế công nhận;
- c) Di sản thiên nhiên khác được xác lập, công nhận theo quy định của Luật này.

## NGHỊ ĐỊNH 08/2022/NĐ-CP

Điều 19. Tiêu chí, trình tự, thủ tục và thẩm quyền xác lập, công nhận di sản thiên nhiên khác.

5. Trách nhiệm lập, thẩm định dự án xác lập và thẩm quyền công nhận di sản thiên nhiên cấp tỉnh

Điều 21. Điều tra, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên

8. UBND cấp tỉnh thực hiện thống nhất quản lý và BVMT di sản thiên nhiên trên địa bàn quản lý; thực hiện các quy định về quản lý và BVMT di sản thiên nhiên theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan

# II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

## LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2020

### Điều 20. Di sản thiên nhiên

1. Di sản thiên nhiên bao gồm:

a) **Vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan được xác lập theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản**; danh lam thắng cảnh được công nhận là di sản văn hóa được xác lập theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá;

b) Di sản thiên nhiên được tổ chức quốc tế công nhận;

c) Di sản thiên nhiên khác được xác lập, công nhận theo quy định của Luật này.

## NGHỊ ĐỊNH 08/2022/NĐ-CP

### Điều 21. Điều tra, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên

8. Trách nhiệm về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên được quy định như sau:

c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổ chức thực hiện các yêu cầu bảo vệ di sản thiên nhiên trong các **hoạt động lâm nghiệp, ngư nghiệp, nông nghiệp** theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan”

# II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

- **Chương III:** Chiến lược BVMT quốc gia, Quy hoạch BVMT quốc gia; nội dung BVMT trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh

**Điều 25. Đối tượng phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược**

**Điều 26. Thực hiện đánh giá môi trường chiến lược**

**Điều 27. Nội dung đánh giá môi trường chiến lược**

**Điều 28. Tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư**

1. Tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư: Quy mô, công suất, loại hình; sử dụng đất mặt nước, khu vực biển; quy mô khai thác TNTN và yếu tố nhạy cảm về môi trường

2. Căn cứ tiêu chí về môi trường quy định tại khoản này dự án đầu tư được phân thành nhóm I, II, III và IV (Phụ lục II)

3. Dự án đầu tư nhóm I là dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao

4. Dự án đầu tư nhóm II là dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, từ dự án quy định tại khoản 3 Điều này

5. Dự án đầu tư nhóm III là dự án ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, trừ dự án quy định tại khoản 3,4 Điều này

6. Dự án đầu tư nhóm IV là dự án không có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, gồm dự án không thuộc quy định tại các khoản 3,4, và 5 Điều này

## II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

- **Chương IV: Đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường**

**Điều 29. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường (dự án đầu tư nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật)**

**Điều 30. Đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường**

1. Đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường bao gồm

a) Dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật này;

b) Dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, đ, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật này.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thuộc dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường

• **Điều 31. Thực hiện đánh giá tác động môi trường**

• **Điều 32. Nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường**

## II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

- **Chương IV:** Đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường

**Điều 39. Đối tượng phải có giấy phép môi trường**

1. Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức.

2. Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 40. Nội dung giấy phép môi trường**

**Điều 41. Thẩm quyền cấp giấy phép môi trường**

**Điều 43. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép môi trường**

- **Điểm c khoản 2:** dự án đầu tư, cơ sở, có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi, cơ quan cấp giấy phép môi trường phải lấy ý kiến bằng văn bản và đạt được sự đồng thuận của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi đó trước khi cấp giấy phép môi trường;

## II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

- **Chương V:** Bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Đô thị và nông thôn trong một số lĩnh vực

### **Điều 56. Bảo vệ môi trường làng nghề**

6. UBND cấp tỉnh có trách nhiệm:

- a) Quy hoạch, xây dựng, cải tạo và phát triển làng nghề, cụm làng nghề gắn với bảo vệ môi trường;
- b) Bố trí ngân sách cho hoạt động bảo vệ môi trường làng nghề
- c) Chỉ đạo, tổ chức đánh giá mức độ ô nhiễm và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề trên địa bàn;
- d) Chỉ đạo xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải; khu tập kết, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho làng nghề;
- e) Có kế hoạch di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, gây ô nhiễm môi trường kéo dài ra khỏi khu dân cư, làng nghề.

## II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

- **Chương V:** Bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Đô thị và nông thôn trong một số lĩnh vực

### **Điều 58: Bảo vệ môi trường nông thôn**

- Điểm c khoản 2; UBND cấp tỉnh chỉ đạo, bố trí nguồn lực thực hiện nội dung về bảo vệ môi trường nông thôn; chỉ đạo, tổ chức việc xử lý các loại chất thải phát sinh trên địa bàn nông thôn; tổ chức việc xử lý các loại chất thải phát sinh trên địa bàn nông thôn; ban hành, hướng dẫn áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn

- Điểm đ khoản 2: Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác (Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT); chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, đề án, dự án, cơ chế, chính sách phát triển nông thôn gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu;

## II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

- **Chương V:** Bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Đô thị và nông thôn trong một số lĩnh vực

### **Điều 61: Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp**

Khoản 7: Bộ Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức quản lý bùn nạo vét từ kênh, mương và công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường

### **Điều 69: Bảo vệ môi trường trong quản lý chất ô nhiễm khó phân huỷ và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hoá, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân huỷ**

Khoản 2c) Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan và UBND cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với các chất ô nhiễm khó phân huỷ và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm hàng hoá, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân huỷ thuộc lĩnh vực ngành, địa phương mình phụ trách theo quy định của Công ước Stockholm, điều ước quốc tế khác có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và theo quy định của pháp luật.



# II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

## • NGHỊ ĐỊNH 08/2022/NĐ-CP

### **Điều 51. Sử dụng chất thải chăn nuôi làm phân bón hữu cơ, nước tưới cho cây trồng hoặc mục đích khác**

1. Chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ và nước thải chăn nuôi nông hộ được sử dụng làm phân bón, nước tưới cho cây trồng hoặc mục đích khác phải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.
2. Việc sử dụng chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ và nước thải chăn nuôi trang trại làm phân bón hữu cơ, nước tưới cây hoặc làm thức ăn cho thủy sản được thực hiện như sau:
  - a) Chất thải chăn nuôi chỉ được sử dụng làm phân bón, nước tưới cho cây trồng hoặc làm thức ăn cho thủy sản khi đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được quy định tại khoản 4 Điều này;
  - b) Việc vận chuyển chất thải chăn nuôi ra khỏi cơ sở chăn nuôi trang trại phải sử dụng phương tiện, thiết bị đảm bảo kín khít, không bị tràn đổ, rò rỉ, không gây ô nhiễm môi trường.
3. Việc sử dụng chất thải rắn chăn nuôi có nguồn gốc hữu cơ phát sinh từ hoạt động chăn nuôi trang trại để sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất phải đáp ứng quy định tại điểm b khoản 2 Điều này và không gây ô nhiễm môi trường trong quá trình sử dụng.
4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất thải rắn chăn nuôi có nguồn gốc hữu cơ sử dụng cho cây trồng hoặc làm thức ăn cho thủy sản; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng (**Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đang thẩm định**).

## II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

### LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2020

NGHỊ ĐỊNH 08/2022/NĐ-CP

**Điều 72. Yêu cầu về quản lý chất thải**  
7. UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý chất thải trên địa bàn; ban hành quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật

**Điều 65. Tái sử dụng, sử dụng trực tiếp, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường**

6. Bộ Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm:

a) Ban hành quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật hoặc quy định khi sử dụng bùn thải làm phân bón cho cây trồng; sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường khác làm nguyên liệu, vật liệu trong các công trình thủy lợi (*cần có nghiên cứu kỹ lưỡng*);

b) Hướng dẫn chi tiết việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật phát sinh trong hoạt động sản xuất nông nghiệp (TTLT số 05/2016/TTLT/BNNPTNT-BTNMT).

## II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

### LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2020

**Điều 72. Yêu cầu về quản lý chất thải**  
7. UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý chất thải trên địa bàn; ban hành quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật

### NGHỊ ĐỊNH 08/2022/NĐ-CP

**Điều 74. Các trường hợp đặc thù về quản lý nước thải**

3. Nước thải được tái sử dụng khi đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành phù hợp với mục đích sử dụng nước.

a) Bộ NNPTNT ban hành quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật hoặc quy định khi sử dụng nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT làm nước tưới cây; nước thải từ hoạt động chăn nuôi, xử lý phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác. Trường hợp chưa ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật thì áp dụng tiêu chuẩn của một trong các nước thuộc Nhóm các nước công nghiệp phát triển;

# II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

## Chương VII: Ứng phó với Biến đổi khí hậu

### Điều 91. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

5. Bộ quản lý lĩnh vực thuộc đối tượng phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính và gửi kết quả kiểm kê khí nhà kính định kỳ 02 năm một lần đến Bộ TNMT trước ngày 31 tháng 01 của kỳ báo cáo tiếp theo để tổng hợp, báo cáo TT-CP;

b) Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hằng năm trong lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp, sử dụng đất và lâm nghiệp, quản lý chất thải, các quá trình công nghiệp;

c) Hướng dẫn quy trình, quy định kỹ thuật về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực;

đ) Hướng dẫn việc lựa chọn, áp dụng biện pháp công nghệ và quản lý để giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với quy mô và ngành, nghề thuộc lĩnh vực quản lý.

6. UBND cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành gửi Bộ TNMT và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan; kiểm tra việc thực hiện các hoạt động có liên quan đến giảm nhẹ phát thải KNK trong phạm vi quản lý

# II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

- **Chương IX:** Quan trắc môi trường, thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường và báo cáo môi trường

## **Điều 102: Xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường**

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trình TT-CP ban hành lộ trình áp dụng TC, QC kỹ thuật quốc gia về khí thải của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành ở VN.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc hướng dẫn kỹ thuật về tái sử dụng, tái chế và sử dụng chất thải làm nguyên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường

5. Trường hợp chất lượng môi trường xung quanh không bảo đảm duy trì mục tiêu bảo vệ chất lượng môi trường, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải của địa phương thời hạn tối đa 02 năm kể từ ngày ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia

# II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

- **Chương IX:** Quan trắc môi trường, thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường và báo cáo môi trường

## **Điều 109. Trách nhiệm quan trắc môi trường**

Khoản 3. Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức thực hiện chương trình quan trắc phục vụ quản lý nông nghiệp gồm các chương trình quan trắc nước, đất, trầm tích phục vụ mục đích thủy lợi, khai thác và nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp

Khoản 6. UBND cấp tỉnh tổ chức thực hiện các chương trình quan trắc môi trường trên địa bàn, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp, Bộ Tài nguyên và MT về kết quả quan trắc môi trường hàng năm

## **Điều 114: Thông tin về môi trường**

Khoản 2. Việc thu nhận, lưu giữ, quản lý thông tin về môi trường được thực hiện như sau:

c) Bộ, cơ quan ngang Bộ thu nhận, lưu trữ và quản lý thông tin về môi trường thuộc phạm vi quản lý quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này;

d) UBND các cấp thu nhận, lưu trữ và quản lý thông tin về môi trường trên địa bàn và theo phân cấp quản lý

# II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

- **Chương IX:** Quan trắc môi trường, thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường và báo cáo môi trường

## **Điều 115: Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường**

1c) Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin môi trường Bộ, ngành, cấp tỉnh, bảo đảm đồng bộ với hệ thống thông tin môi trường quốc gia.

2c) Bộ cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai cơ sở dữ liệu môi trường của mình; bảo đảm tích hợp, kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia

## **Điều 117. Chỉ tiêu thống kê về môi trường**

2. Chỉ tiêu thống kê về môi trường bao gồm chỉ tiêu thống kê môi trường quốc gia và chỉ tiêu thống kê môi trường của ngành tài nguyên và môi trường, được thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về thống kê

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh tổ chức công tác thống kê chỉ tiêu môi trường thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; hàng năm báo cáo Bộ TN và MT các chỉ tiêu thống kê về môi trường

# II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

- **Chương IX:** Quan trắc môi trường, thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường và báo cáo môi trường

## **Điều 118. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường**

1. Hằng năm, việc báo cáo công tác bảo vệ môi trường của năm trước đó được thực hiện theo quy định sau đây:

c) UBND cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Bộ TN và MT trước ngày 15 tháng 02

d) Bộ, cơ quan ngang Bộ gửi báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường của Bộ, cơ quan ngang Bộ đến Bộ TN và MT trước ngày 15 tháng 02

## **Điều 120. Báo cáo hiện trạng môi trường**

2. Trách nhiệm lập báo cáo hiện trạng môi trường được quy định như sau:

b) UBND cấp tỉnh lập báo cáo tổng quan về hiện trạng môi trường của địa phương 05 năm một lần; hàng năm, lập báo cáo chuyên đề về hiện trạng môi trường theo hướng dẫn của Bộ TN và MT; căn cứ các vấn đề bức xúc về môi trường của địa phương, UBND cấp tỉnh có thể quyết định lập thêm báo cáo chuyên đề về hiện trạng môi trường trên địa bàn.



# II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

- **Chương X:** Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và bồi thường thiệt hại về môi trường

**Điều 122: Trách nhiệm về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

2. UBND cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

a) Điều tra, thống kê, đánh giá nguy cơ sự cố môi trường có thể xảy ra trên địa bàn

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu và lập, công khai thông tin về các nguồn có nguy cơ gây ra sự cố môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Xây dựng và chỉ đạo UBND cấp huyện, cấp xã xây dựng năng lực phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ sự cố môi trường trên địa bàn.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 127 của Luật này.

**Điều 123. Phân cấp sự cố môi trường và các giai đoạn ứng phó sự cố môi trường**

2. Ứng phó sự cố môi trường gồm các giai đoạn sau đây:

a) Chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường; b) Tổ chức ứng phó sự cố môi trường; và c) Phục hồi môi trường sau sự cố môi trường

## II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

### LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2020

**Điều 127: Trách nhiệm về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan chuyên môn các cấp**

### NGHỊ ĐỊNH 08/2022/NĐ-CP

**Điều 111: Trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của các bộ, cơ quan ngang bộ**

5. Bộ NNPTNT có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống, ứng phó sự cố MT do thiên tai, vỡ đê, hồ, đập, cháy rừng và dịch bệnh trên vật nuôi gây ra;

b) Chủ trì tham mưu Ủy ban quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tổ chức hoạt động ứng phó sự cố môi trường cấp quốc gia do thiên tai, vỡ đê, hồ, đập, cháy rừng, dịch bệnh trên vật nuôi gây ra; tham gia ứng phó sự cố môi trường cấp quốc gia theo sự phân công của Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn

# II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

## Chương XI: Công cụ kinh tế, chính sách và nguồn lực bảo vệ môi trường

### Điều 138. Chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên

1. Chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên là việc tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên trả tiền cho tổ chức, cá nhân cung ứng giá trị môi trường, cảnh quan do hệ sinh thái tự nhiên tạo ra để bảo vệ, duy trì và phát triển hệ sinh thái tự nhiên.

2. Các dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên được chi trả bao gồm:

- a) Dịch vụ môi trường rừng của hệ sinh thái rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp
- b) Dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước phục vụ mục đích kinh doanh du lịch, giải trí, nuôi trồng thủy sản;
- c) Dịch vụ hệ sinh thái biển phục vụ mục đích kinh doanh du lịch, giải trí, nuôi trồng thủy sản;
- d) Dịch vụ hệ sinh thái núi đá, hang động và công viên địa chất phục vụ mục đích kinh doanh du lịch, giải trí;
- e) Dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên phục vụ mục đích hấp thụ và lưu trữ các-bon, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này;

# II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

- **Chương XI:** Công cụ kinh tế, chính sách và nguồn lực bảo vệ môi trường

## **Điều 139. Tổ chức và phát triển thị trường các-bon**

1. Thị trường các-bon trong nước gồm các hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon thu được từ cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế...
2. Các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thuộc danh mục quy định tại khoản 3 Điều 91 Luật này được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính và có quyền trao đổi, mua bán trên thị trường các-bon trong nước
3. Căn cứ xác định hạn ngạch phát thải khí nhà kính.

## **Điều 154. Truyền thông, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường**

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan truyền thông, báo chí có trách nhiệm truyền thông, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực quản lý
4. UBND cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan truyền thông, báo chí có trách nhiệm truyền thông, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn

# II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

## • **NGHỊ ĐỊNH 06/2022/NĐ-CP**

### **Điều 5: Đối tượng thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**

2. Các bộ quản lý lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp, sử dụng đất...: Bộ Nông nghiệp và PTNT

### **Điều 7: Mục tiêu, lộ trình và phương thức giảm nhẹ phát thải KNK**

3. Các bộ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này tổ chức xây dựng, ban hành kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý cho giai đoạn đến hết năm 2030, phân kỳ thực hiện đến năm 2025; thực hiện các biện pháp quản lý để đạt được mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính quy định tại **Đóng góp** do quốc gia tự quyết định

# II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

- **NGHỊ ĐỊNH 06/2022/NĐ-CP**

- **Điều 8: Tăng cường hấp thụ khí nhà kính**

3. Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với UBND cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Xây dựng mục tiêu, lộ trình thực hiện các phương thức tăng cường hấp thụ khí nhà kính từ quản lý rừng bền vững, bảo vệ và nâng cao tỷ lệ che phủ, sinh khối và chất lượng rừng, lồng ghép trong kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định này;

b) Thu thập số liệu, tính toán mức hấp thụ khí nhà kính tại các vùng sinh thái có rừng trên cơ sở điều tra rừng, tổng hợp trong báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này;

c) Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động tăng cường hấp thụ khí nhà kính từ quản lý rừng bền vững, bảo vệ và nâng cao tỷ lệ che phủ, sinh khối và chất lượng rừng trên phạm vi cả nước.

# II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

## • NGHỊ ĐỊNH 06/2022/NĐ-CP

### **Điều 9: Hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**

3. Các bộ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này có trách nhiệm:

- a) Xây dựng và ban hành quy trình, quy định kỹ thuật về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong phạm vi lĩnh vực quản lý;
- b) Hướng dẫn các cơ sở trong phạm vi lĩnh vực quản lý thực hiện đo đạc, báo cáo và thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;
- c) Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 thuộc phạm vi quản lý;
- d) Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu trực tuyến về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong phạm vi lĩnh vực quản lý thống nhất với cơ sở dữ liệu trực tuyến quốc gia về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 2 Điều này.

### **Điều 10: Nội dung hoạt động đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**

# II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

- **NGHỊ ĐỊNH 06/2022/NĐ-CP**

## **Điều 11: Kiểm kê khí nhà kính**

3. Các bộ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này có trách nhiệm

- a) Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực và xây dựng báo cáo phục vụ kiểm kê cấp quốc gia theo các mẫu...gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của kỳ báo cáo **kể từ năm 2023**;
- b) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý cho năm 2022, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở trước ngày **01 tháng 12 năm 2023**
- c) Kiểm tra việc tuân thủ quy định..
- d) Cung cấp số liệu bổ sung số liệu hoạt động, thông tin liên quan phục vụ kiểm kê khí nhà kính quốc gia theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- e) Tổ chức xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu trực tuyến về kiểm kê khí nhà kính trong phạm vi lĩnh vực quản lý

## **Điều 13: Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**



# II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

## LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2020

### Điều 142. Kinh tế tuần hoàn (KTTH)

1. KTTH là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh thực hiện lồng ghép KTTH ngay từ giai đoạn xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; quản lý, tái sử dụng, tái chế chất thải.

## NGHỊ ĐỊNH 08/2022/NĐ-CP

### Điều 138. Quy định chung về KTTH

#### 1. Tiêu chí chung về KTTH

- a) Giảm khai thác, sử dụng TN không tái tạo, tài nguyên nước; tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên, nguyên liệu thô, vật liệu; tiết kiệm năng lượng;
- b) Kéo dài thời gian sử dụng vật liệu, thiết bị, sản phẩm, hàng hóa, các linh kiện, cấu kiện;
- c) Hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường bao gồm: giảm chất thải rắn, nước thải, khí thải; giảm sử dụng hóa chất độc hại; tái chế chất thải, thu hồi năng lượng; giảm sản phẩm sử dụng một lần; mua sắm xanh.

## II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

### LUẬT BVMT 2020

### NGHỊ ĐỊNH 08/2022/NĐ-CP

**Điều 142. Kinh tế tuần hoàn**

**Điều 139. Lộ trình, trách nhiệm thực hiện kinh tế tuần hoàn**

2. Các bộ, cq= bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý nhà nước được giao, có trách nhiệm:

a) Xây dựng, phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện KTTH của ngành, lĩnh vực, sản phẩm phù hợp với kế hoạch hành động quốc gia quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, giáo dục, đào tạo về nội dung KTTH;

c) Lồng ghép các tiêu chí cụ thể thực hiện KTTH ngay trong quá trình xây dựng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; quản lý, tái sử dụng, tái chế chất thải;

d) Quản lý, cập nhật thông tin, dữ liệu thực hiện KTTH và tích hợp với hệ thống thông tin dữ liệu của Bộ TNMT;

# II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

## LUẬT

## NGHỊ ĐỊNH 08/2022/NĐ-CP

### Điều 142. Kinh tế tuần hoàn

đ) Tổ chức áp dụng thí điểm mô hình KTTH đối với ngành, lĩnh vực năng lượng, nguyên liệu, chất thải theo kế hoạch hành động quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này;

e) Thực hiện các trách nhiệm khác liên quan đến KTTH theo quy định tại Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Xây dựng, lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan và phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện KTTH cấp tỉnh phù hợp với các kế hoạch hành động quốc gia thực hiện KTTH quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Thực hiện các trách nhiệm quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều này;

c) Tổ chức áp dụng thí điểm mô hình KTTH đối với ngành, lĩnh vực năng lượng, nguyên liệu, chất thải theo kế hoạch hành động quy định tại điểm a khoản này, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

# II. Nội dung luật liên quan đến nông nghiệp

## Luật BVMT 2020

**Chương XIV:** Kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, xử lý vi phạm, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường

**Điều 160. Kiểm tra, thanh tra về BVMT, kiểm toán trong lĩnh vực môi trường**

1. Trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo thực hiện kiểm tra, thanh tra về **BVMT** quy định như sau: Chỉ có 3 Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Quốc phòng, Công an có trách nhiệm; **Bộ NN và PTNT không** có chức năng kiểm tra, thanh tra về **BVMT**

2.d) Chủ tịch UBND cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường trên địa bàn

## Nghị định 08/2022

**Điều 160. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về BVMT**

c) Bộ NNPTNT tổ chức xây dựng, ban hành theo thẩm quyền và hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; chỉ đạo, tổ chức quản lý bùn nạo vét từ kênh, mương và công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác; xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách phát triển nông thôn gắn với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức thực hiện chương trình quan trắc môi trường phục vụ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật;

### III. Các văn bản liên quan

- Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.
- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến 2030 tầm nhìn 2050.
- Quyết định số 149/QĐ-CP ngày 28/01/ 2022 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.
- Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030.

Trân trọng cảm ơn  
sự lắng nghe của quý đại biểu